

Trụ Năm 2020			Trụ Tháng 10			Trụ Ngày 11			Trụ Giờ 22:01		
Tài CANH	TÝ	Suy Tử	Kiếp BÍNH	TUẤT	Mộ	Thân ĐINH	Quan HỢI	Dưỡng Thai	T.Tài TÂN	HỢI	Q.Đới M.Dục
Quý Sát			Mậu Thương	Đinh Tỷ	Tân T.Tài	Giáp Án	Nhâm Quan		Giáp Án	Nhâm Quan	
Suy			Mộ	Dưỡng	Q.Đới	Dưỡng	Q.Đới		Dưỡng	Q.Đới	
Tuyệt			Dưỡng			Thai			Thai		
Tướng Tinh			Thiên Đức QN		Địa Võng	Thiên Át QN		Thập Ác ĐB	Thiên Át QN		
Đào Hoa			Nguyệt Đức QN		Quả Tú	Văn Xương			Văn Xương		
			Hồng Diễm			Thái Cực			Thái Cực		
			Tú Quý Nhân			Tú Quý Nhân			Vong Thần		
						Vong Thần			Phúc Tinh		
						Phúc Tinh			Nhật Quý		
Đại Vận 0 (0 - 0 tuổi)			Đại Vận 1 (1 - 10 tuổi)			Đại Vận 2 (11 - 20 tuổi)			Đại Vận 3 (21 - 30 tuổi)		
Kiếp BÍNH	TUẤT	Mộ	Kiêu ÁT	DẬU	Tuyệt	Án GIÁP	THÂN	Tuyệt	Sát QUÝ	MÙI	Mộ
Mậu	Đinh	Tân		Tân		Canh	Mậu	Nhâm	Ký	Át	Đinh
Thương	Tỷ	T.Tài		T.Tài		Tài	Thương	Quan	Thực	Kiêu	Tỷ
Mộ	Dưỡng	Q.Đới		L.Quan		L.Quan	Bệnh	T.Sinh	Q.Đới	Dưỡng	Q.Đới
Đại Vận 4 (31 - 40 tuổi)			Đại Vận 5 (41 - 50 tuổi)			Đại Vận 6 (51 - 60 tuổi)			Đại Vận 7 (61 - 70 tuổi)		
Quan NHÂM	NGỌ	Thai	T.Tài	TÂN	TỬ	Tài CANH	THÌN	Dưỡng	Thực KỶ	MÃO	Bệnh
Đinh	Ký		Bính	Mậu	Canh	Mậu	Át	Quý	Át		
Tỷ	Thực		Kiếp	Thương	Tài	Thương	Kiêu	Sát	Kiêu		
L.Quan	L.Quan		L.Quan	L.Quan	T.Sinh	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	L.Quan		
Đại Vận 8 (71 - 80 tuổi)			Đại Vận 9 (81 - 90 tuổi)			Đại Vận 10 (91 - 100 tuổi)			Đại Vận 11 (101 - 110 tuổi)		
Thương MÂU	DÀN	T.Sinh	Tỷ	ĐINH	SƯU	Mộ	Kiếp BÍNH	TÝ	Kiêu ÁT	HỢI	TỬ
Giáp	Bính	Mậu	ĐINH	Kỷ	Tân	Quý		Quý	Giáp	Nhâm	
Án	Kiếp	Thương	Kỷ	Thực	T.Tài	Sát		Sát	Án	Quan	
L.Quan	T.Sinh	T.Sinh	Mộ	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan		L.Quan	T.Sinh	L.Quan	

Tài CANH	2020	1 tuổi	T.Tài	2021	2 tuồi	Quan NHÂM	2022	3 tuồi	Sát QUÝ	2023	4 tuồi	Án GIÁP	2024	5 tuồi	Suy
Kiêu ÁT	2025	6 tuồi	Kiếp BÍNH	2026	7 tuồi	Tỷ ĐINH	2027	8 tuồi	Thương MÂU	2028	9 tuồi	Thực KỶ	2029	10 tuồi	T.Sinh
Tài CANH	2030	11 tuồi	T.Tài	2031	12 tuồi	Quan NHÂM	2032	13 tuồi	Sát QUÝ	2033	14 tuồi	Án GIÁP	2034	15 tuồi	L.Quan
Kiêu ÁT	2035	16 tuồi	Kiếp BÍNH	2036	17 tuồi	Tỷ ĐINH	2037	18 tuồi	Thương MÂU	2038	19 tuồi	Thực KỶ	2039	20 tuồi	Q.Đới
Tài CANH	2040	21 tuồi	T.Tài	2041	22 tuồi	Quan NHÂM	2042	23 tuồi	Sát QUÝ	2043	24 tuồi	Án GIÁP	2044	25 tuồi	M.Dục
Kiêu ÁT	2045	26 tuồi	Kiếp BÍNH	2046	27 tuồi	Tỷ ĐINH	2047	28 tuồi	Thương MÂU	2048	29 tuồi	Thực KỶ	2049	30 tuồi	Đ.Vượng
Tài CANH	2050	31 tuồi	T.Tài	2051	32 tuồi	Quan NHÂM	2052	33 tuồi	Sát QUÝ	2053	34 tuồi	Án GIÁP	2054	35 tuồi	Dưỡng
Kiêu ÁT	2055	36 tuồi	Kiếp BÍNH	2056	37 tuồi	Tỷ ĐINH	2057	38 tuồi	Thương MÂU	2058	39 tuồi	Thực KỶ	2059	40 tuồi	Bệnh
Tài CANH	2060	41 tuồi	T.Tài	2061	42 tuồi	Quan NHÂM	2062	43 tuồi	Sát QUÝ	2063	44 tuồi	Án GIÁP	2064	45 tuồi	Tuyệt
Kiêu ÁT	2065	46 tuồi	Kiếp	2066	47 tuồi	Tỷ	2067	48 tuồi	Thương	2068	49 tuồi	Thực	2069	50 tuồi	

AI	DẬU	Tuyệt	BINH	I UAI	Mộ	ĐINH	HỢI	Thai	MÃU	I Y	Thai	KÝ	SƯU	Mộ
Tài CANH	2070 <b>DÂN</b>	51 tuổi Tuyệt	T.Tài <b>TÂN</b>	2071 <b>MÃO</b>	52 tuổi Tuyệt	Quan <b>NHÂM</b>	2072 <b>THÌN</b>	53 tuổi Mộ	Sát <b>QUÝ</b>	2073 <b>TỴ</b>	54 tuổi Thai	Án <b>GIÁP</b>	2074 <b>NGỌ</b>	55 tuổi Tử
Kiêu ẤT	2075 <b>MÙI</b>	56 tuổi Dưỡng	Kiếp <b>BÍNH</b>	2076 <b>THÂN</b>	57 tuổi Bệnh	Tỷ <b>ĐINH</b>	2077 <b>DẬU</b>	58 tuổi T.Sinh	Thương <b>MÃU</b>	2078 <b>TUẤT</b>	59 tuổi Mộ	Thực <b>KỶ</b>	2079 <b>HỢI</b>	60 tuổi Thai

Kim    Hỏa    Thủy    Thủ    Mộc    ⚡ Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Nguyê1Bb85N He1Bb93Ng Phc3Bac,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyê1Bb85N He1Bb93Ng Phc3Bac lá số tú trù này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trù, bát tự hay tú trù là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bồi khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trù là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trù và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trù được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trù này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trù này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!  
[Xemuong.net](http://Xemuong.net)

## Phân Tích Lá Số Tú Trù

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù năm **Tý Thủy** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù tháng **Tuất Thủ** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ ngày **Hợi Thủy** không thông cǎn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ giờ **Hợi Thủy** không thông cǎn (trường hợp ngoại lệ).

Sự thông cǎn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Cǎn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

### Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm Canh sinh tháng **Tuất** tọa ở **Suy** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Bính** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Đinh** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Tân** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Quan** **Đới** nên được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** **Đinh Sửu** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức:** **Nhâm Dần** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Đinh Sửu và Nhâm Dần này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp cung mệnh **Giáp** Thân nạp âm là **Thủy** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Cháu phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ năm Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ tháng **Bính Tuất** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ ngày **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ giờ **Tân Hợi** nạp âm là Kim là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quái về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Bính Tuất** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Hợi** là **Thủy** khắc **Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Tân Hợi** là Kim sinh **Thủy**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 6/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Hợi Tý này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Đinh Hợi và Bính Tuất này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Hợi Hợi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

### Thân Nhược: **Hỏa** 23/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân

**Hỏa** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **23/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **11/36** điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Chú là **Thân Nhược Hỏa**. Để Quý Chú Gái rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược **HỎA** thì dụng thần nên là **Mộc** để sinh thêm **HỎA**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Chú là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Chú là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Chú là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Chú khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Chú không chết úng.

**Dụng Thần: Mộc Thủy** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

### Dụng Thần là **Mộc** (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Chú vì **Mộc** là dụng thần của Quý Chú. Quý Chú có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Chú nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Chú dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### Dụng Thần là **Thủy** (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rác, nước chảy, cảng khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sĩ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Chú vì **Thủy** là dụng thần của Quý Chú. Quý Chú có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Chú nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Chú dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sê tốt cho thân vượng và có cái sê tốt cho thân nhược và Quý Chú nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Chú là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Chú là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Chú hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Chú có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Chú, ví dụ chữ dụng thần Quý Chú có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Chú hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Chú, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Chú mưu sự làm ăn.

## Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Canh Tý bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

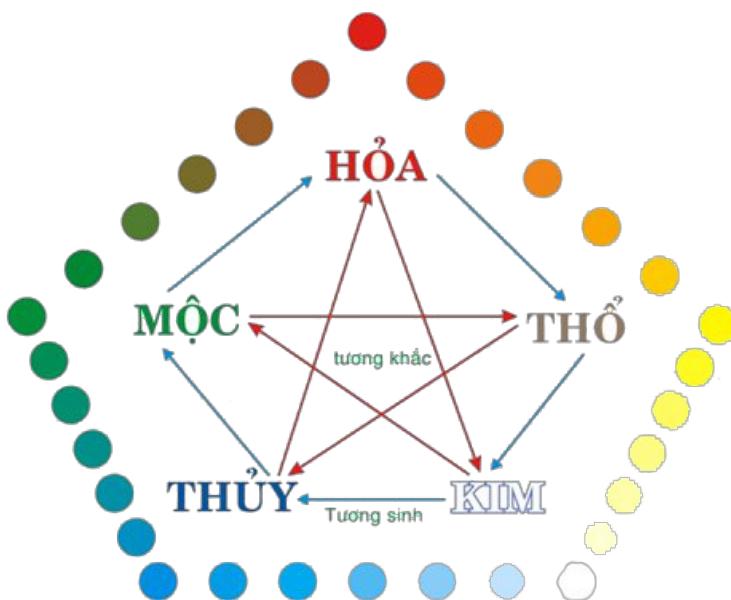
Trụ Tháng Bính Tuất bị **Nhâm Thìn** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Nhâm Thìn**.

Trụ Ngày Đinh Hợi bị **Quý Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Tỵ**.

Trụ Giờ Tân Hợi bị **Đinh Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Tỵ**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sơ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Chú nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Chú, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Chú hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	HỎA	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	Kim	Thủy
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đồm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Hỏa

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Hỏa có nước da vàng, râu vàng, mũi lộ; lông mày thưa, ngực nỗi, bàn tay nhọn, trán dô; môi cong, răng lộ và nhỏ nhọn; đầu bằng và đỉnh đầu bằng; tay chân gầy khẳng, gân guốc; điệu bộ nhanh nhẹn; tai nhọn, tròng mắt khô; lưỡng quyền cao và tiếng nói mau.

Nhìn chung, người thuộc Hỏa hợp với phuơng Nam. Thích hợp với các nghề có liên quan tới văn hóa, nghệ thuật hoặc công việc kinh doanh những mặt hàng đó, chẳng hạn như ánh sáng, cắt tóc, thực phẩm, giáo viên, xuất bản, văn phòng phẩm...

### Quý Cháu Người Thuộc Hỏa Nhược

Người mà Hỏa suy thì dáng người góc nhọn, tướng gầy, da vàng, nói năng è à, dối trá, bản tính cay độc, làm việc thường chỉ nhiệt tình, hăng hái được lúc đầu, sau đó bỏ bê, có đầu mà không có cuối. Người Hỏa quá suy, cũng thường dễ mắc các bệnh như người Hỏa quá vượng (bệnh phàn mặt, răng, lưỡi), tuy nhiên, dễ mắc những bệnh liên quan tới hệ tiêu hoá hơn.

## Cung Mệnh ở Thân sao Thiên cơ

Quý Cháu không nên kết hôn sớm, nữ không thuận với chồng.

## Trụ năm của Quý Cháu có Chánh Tài

Trụ năm có chính tài (tài) ông bà bố mẹ giàu có nếu tháng trụ lại có chính quan thì gia đình phú quý. Trường hợp năm tháng đều có chính quan thì nam thừa kế hai nhà hoặc lấy hai vợ.

## Trụ tháng của Quý Cháu có Kiếp Tài

Kiếp tài (kiếp) ở trụ tháng là tiền tài khó tụ, thích đầu cơ, thích ăn mặc chưng diện. Trường hợp tọa dương nhẫn thì vì tiền mà bị nạn.

## Trụ ngày của Quý Cháu có Chánh Quan

Trụ ngày có chính quan thì người thông minh đôn hậu, có đủ năng lực, mưu lược ứng biến. Ngày chủ vượng gặp vận tài phát đại phúc. Nam mệnh thì có vợ đoan trang hiền thu.c. Nữ mệnh thì được chồng tốt.

## Trụ giờ của Quý Cháu có Thiên Tài

Trụ giờ có thiên tài (tài) thì con cái khắng khái, trọng nghĩa khinh tài, thích biện bác, thích đầu cơ. Nếu năm và tháng không có thiên tài mà ngày giờ có thiên tài lại không gặp hình xung, tì, kiếp thì về già phát đạt. Nếu giờ can thiên tài mà giờ chi có tì, kiếp thì thương vợ cả tốn vợ bé.

## Tú trụ của Quý Cháu có quá nhiều Chánh Quan

Chính quan quá nhiều trong tú trụ thì có sự khắc chế trói buộc trở thành nhu nhược, năng lực yếu. Mặt khác báo việc gia đình không đầy đủ, tiền đồ học hành có cản trở, nếu không có ân mạnh hoá giải cứu trợ thì không hay. Chính quan không nên gặp Thương quan, vì hoạ có thể đến. Nhưng có trường hợp Chính quan nhiều mà gặp Thương quan thì lại hay.

## Trong tú trụ có 2 Hợi

Trụ có 2 hợi nên coi chừng hạn năm hợi vào tháng hợi ngày hợi hay hướng hợi dễ bị nguy hiểm vì trụ có đủ cách tam hình.

## Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Nhật Quý

Ngày nhật quý chủ thích làm việc thiện, hình dáng đẹp đẽ về già thích phong lưu. Năm vận gặp sao tài, sao quan thì hiển đạt nếu gặp hình xung thì bần tiện.

## Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Thập ác đại bại

Ngày Thập ác đại bại gặp việc hay đắn đo, có trí nhưng khó tiến thoái, chủ về thất bại. Ngày thập ác đại bại nếu gặp sao tài, sao quan ngược lại là phúc. Nên gặp năm can chi và ngày can chi xung khắc lại là gặp cát thần quý nhân giúp.

## Tú Trụ của Quý Cháu có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

## Tú Trụ của Quý Cháu có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

## Tú Trụ của Quý Cháu có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

## Tú Trụ của Quý Cháu có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

## Tú Trụ của Quý Cháu có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cát nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

## Trụ tháng có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

## Trong tú trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhẫn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

## Trụ tháng có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Chi tháng có sống dê chủ về tính tình ngang ngược, khác người.

## Tú Trụ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sống dê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sống dê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

## Trụ tháng có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Tháng có Sống dê: tính thích khoa trương hoặc cha mẹ anh em không có tài.

## Cô thần Quả Tú (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điếu thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang dời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phuơng cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tú trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,Ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

## Thập ác đại bại (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 160)

Ngày thập ác đại bại là "kho vàng bạc hóa thành đất bụi", nếu gặp cát thần phù trợ, quý khí trợ giúp thì còn tốt, nếu gặp thiên đức, nguyệt đức thì không còn là điều kỳ nữa, hoặc gặp tuế kiến, nguyệt kiến, thái dương điền đầy cũng không còn là kỵ nữa.

## Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

## Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong túc là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hoi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt túc là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu túc là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẩn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghiệp nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Người mà tú trù gặp đào hoa, không những bắn thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

### Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

### Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên át quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiền lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vương lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường dễ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đao lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

### Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

### Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Cháu gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

### Trong Tứ trụ Quý Cháu thiên tài gặp vượng địa là cha trưởng thọ.

### Nhật nguyên Quý Cháu sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

**Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứa tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bồ mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thi cha mẹ không thọ.**

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànhs tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tǐ kiếp khắc cha.

**Trụ ngày, trụ giờ Quý Cháu đều phạm vong thần là khắc mẹ.**

**Trụ năm Quý Cháu là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.**

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

**Chi năm Quý Cháu bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ**

Chi năm bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ, nếu có quan sát hồn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ.

**Trong Tứ trụ Quý Cháu đều có cả thiên và tài là mẹ sẽ lấy hai đời chồng.**

**Lệnh tháng Quý Cháu khắc năm là cha mẹ không song toàn**

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

**Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.**

**Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.**

**Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.**

**Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ**

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ và không bị khắc hại, hìnhs, xung thì tổ nghiệp phú quý vinh hoa.

**Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hìnhs, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.**

**Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.**

**Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.**

# Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiép Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiép Quý Cháu gấp thiên đức, nguyệt đức là anh chị em lương thiện, thật thà.

Trụ ngày Quý Cháu yêu, mà không có tỉ kiép thì lấy án đẻ tính số lượng anh em.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nữ tuổi Canh **Tý** hợp với Nam tuổi **Nhâm Dần - Mậu Thân - Kỷ Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tùy ý chọn.

Quý Cháu có Thiên đức, nguyệt đức không bị những cái khắc làm nhiễu loạn thì người đó áo gấm mũ vàng.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có phu tình, thê tình hợp nhau là cuối cùng có sự ly biệt.

**Chính quan hoặc thất sát là chồng, chi ngày là sao chồng.**

Xem mệnh nữ trước hết phải xem sao chồng để xác định chồng sang hay nghèo hèn, chồng sang vợ mới sang. Mệnh nữ lấy nhu làm phúc, lấy cương làm hại, lấy trong làm kỳ diệu, lấy đục làm thấp hèn. Sự phú quý hay bần tiện của mệnh nữ toàn dựa vào chồng con. Năm là bố chồng, thai là mẹ chồng, tháng là chị em dâu, ngày là chồng và mình, giờ là con cái.

Quý Cháu có Sao chồng đóng ở ngày làm dụng thần, chủ về chồng đại quý, vợ chồng hòa thuận.

Quý Cháu Mệnh nữ có một quan hay một sát rõ là tốt.

Quý Cháu Mệnh nữ không có sát, có một quý là vợ lần át chồng.

Quý Cháu có Quan gặp tài là chồng thì vinh hoa nhưng khắc con.

Quý Cháu có Quan cùng với đào hoa nhất định là có chồng tốt làm trong triều đình.

Quý Cháu có Thương quan bị thương tổn nặng, hoặc không có quan nhưng có tài là đi làm vợ lẽ

Nữ tài phải ít, nếu tài nhiều thì dâm loạn, Quý Cháu có nhiều tài.

Tài và quan cả hai đều Quý Cháu có thì khi hành vận gặp cả quan lẫn kiếp tài sẽ khắc chồng, qua vận mới nên lấy chồng(hoặc nên lấy chồng muộn).

Nữ vận hành đến đất tỉ kiép thì làm trở ngại chồng, khắc cha.

Có nghĩa là đến năm nào có TÝ thì năm đó làm trở ngại chồng, khắc cha

Quý Cháu Nữ chỉ có 1 quan tinh là tốt, nhiều quan tinh là tượng tái giá lấy chồng nhiều lần.

Quý Cháu Tham tài, làm hỏng án là người phụ nữ bất lương ( tài nhiều, át ít).

Quý Cháu Mệnh nữ có quan tinh khi hành đến quan vận thì sẽ khắc chồng.

## Công Danh Sư Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn

của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người . Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Cháu có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Cháu có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Cháu có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Cháu có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Trong trụ Quý Cháu có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Trong trụ Quý Cháu gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Quý Cháu Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sưu, người tị, dậu, sưu gặp ất mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Cháu có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Tài tinh Quý Cháu chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Cháu thân suy nếu không thăng tài sẽ là người vất vả.

Tài quan Quý Cháu đều có và lộ rõ thì rất vinh hiển.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chê ngự là người đại quý.

Trong trụ Quý Cháu vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quý Cháu Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quan tinh Quý Cháu là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Cháu có Ân nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Trên trụ giờ Quý Cháu có thiên tài thì sợ anh em, đến đại vận và lưu niên có Kiếp Tài thì sẽ bị phá tài và tranh tài.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Cháu có 1 Tài lộ

Trong trụ Quý Cháu có thập ác đại bại thì vàng đầy kho cũng thành đất bụi.

## Quan Vận

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu Có Quan có Án không bị phá, quan trọng triều (Không có xung phá, Không vong).

Quý Cháu Án lâm Thiên Át, mây đồi làm quan.

Quý Cháu Án lâm Thiên Át, mây đồi làm quan.

Thất Sát Quý Cháu có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Cháu có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Cháu có Thương Quan đới Án, nhậm chức chinh đốn kỷ cương trong triều.

Quý Cháu có Quan Sát hồn tạp, không quí hiển được.

Tài tinh Quý Cháu yếu, làm quan không lâu.

Quý Cháu có Tài Quan Án đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Án Quý Cháu bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Cháu có Thương Quan đới Án, có đam mê thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Cháu có Sát tàng Quan lộ, ẩn ác dương danh, ai mà gặp phải, danh chấn hương bang.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

## Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Sát Án tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Cháu có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Cháu có Sát Án tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Chính Quan Quý Cháu là hỏa, cá tính rất mạnh, cho nên thường “Lộ thấy bất bình, bạt đao tương trợ”, có uy, cũng hợp nghề văn hóa, giáo dục, nghệ thuật.

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

### Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Thủy

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Thủy**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

### Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Mộc

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, án tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực

thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lầy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có tài quan là đứa con sinh ở nhà giàu sang.

Trụ nhật Quý Cháu làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rõ tổ tiên.

Dụng thần ở tru giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can Quý Cháu giờ vượng là sinh con trai.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai chầu miệng có dái tai to.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có 3 chữ thổ thì sinh ngoài bãi, bờ đê, hoặc chốn công trường.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nầm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Cháu thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Quý Cháu Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Trong trụ Quý Cháu sát ở ngôi tý thì con ngỗ ngược.

Quý Cháu Mệnh nữ gặp thiên đức, nguyệt đức là sinh con đỗ đạt cao.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khẻo & Bệnh Tật

Trụ Quý Cháu có Thiên đức Nguyệt đức, cả đời ít bệnh.

Quý Cháu Trong trụ nhiều Hợi Tý, bệnh ở tiểu tràng, bụng dưới.

Quý Cháu có Thương quan bị chế phục thái quá, đè phòng mắt đau, chân đau.

Hỏa quá nhược hoặc tử tuyệt, dễ bị bệnh tim, bệnh bại huyết, viêm khớp, hôi chân, đau mắt. Tuổi còn trẻ thì dạ dày không tốt.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số túc trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át bính đinh..., chi là tỲ sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đέ Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó

yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trùm sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Chú hãy nhìn bắn điểm.

Vòng Trùm Sinh	Thai	Dưỡng	Trùm Sinh	Mộc Dục	Quan Dói	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiền Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiền Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trùm sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Chú hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trùm sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trùm sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Chú có thể nhìn vòng trùm sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Chú chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17																															
<table border="1"> <tr> <td>Thương</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>CANH</td> <td>THÂN</td> </tr> <tr> <td>Canh Thương Dưỡng</td> <td>Mậu Kiếp Q.Đói</td> </tr> <tr> <td>Nhâm Tài Mô</td> <td>Thân Nhâm Tài</td> </tr> </table>	Thương	Dưỡng	CANH	THÂN	Canh Thương Dưỡng	Mậu Kiếp Q.Đói	Nhâm Tài Mô	Thân Nhâm Tài	<table border="1"> <tr> <td>Thương</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>CANH</td> <td>THÌN</td> </tr> <tr> <td>Mậu Kiếp Q.Đói</td> <td>Át Sát Q.Đói</td> </tr> <tr> <td>Quý T.Tài Dưỡng</td> <td>Quý T.Tài Dưỡng</td> </tr> </table>	Thương	Dưỡng	CANH	THÌN	Mậu Kiếp Q.Đói	Át Sát Q.Đói	Quý T.Tài Dưỡng	Quý T.Tài Dưỡng	<table border="1"> <tr> <td>Thần</td> <td>Tỷ</td> <td>Suy</td> </tr> <tr> <td>KỶ</td> <td>MÙI</td> <td>Q.Đói</td> </tr> <tr> <td>Kỷ Tỷ Suy</td> <td>Át Sát Q.Đói</td> <td>Đinh Kiêu Suy</td> </tr> </table>	Thần	Tỷ	Suy	KỶ	MÙI	Q.Đói	Kỷ Tỷ Suy	Át Sát Q.Đói	Đinh Kiêu Suy	<table border="1"> <tr> <td>T.Tài</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>QUÝ</td> <td>DẬU</td> </tr> <tr> <td>Tân Thực Mô</td> <td>Bệnh</td> </tr> </table>	T.Tài	Dưỡng	QUÝ	DẬU	Tân Thực Mô	Bệnh
Thương	Dưỡng																																	
CANH	THÂN																																	
Canh Thương Dưỡng	Mậu Kiếp Q.Đói																																	
Nhâm Tài Mô	Thân Nhâm Tài																																	
Thương	Dưỡng																																	
CANH	THÌN																																	
Mậu Kiếp Q.Đói	Át Sát Q.Đói																																	
Quý T.Tài Dưỡng	Quý T.Tài Dưỡng																																	
Thần	Tỷ	Suy																																
KỶ	MÙI	Q.Đói																																
Kỷ Tỷ Suy	Át Sát Q.Đói	Đinh Kiêu Suy																																
T.Tài	Dưỡng																																	
QUÝ	DẬU																																	
Tân Thực Mô	Bệnh																																	

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Chú Gái
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Chú Gái
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Chú Gái
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Chú Gái

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tui, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, không chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh án, công phá Thân, khắc chế tỳ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Án** (Chánh án) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên án) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túy trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bè ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ân đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyễn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ân. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dàn và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thường, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ân. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình

duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhò cha hoặc nhò vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Nguye1Bb85N He1Bb93Ng Phc3Bac thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net